TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày: 28-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu

2. Ông Ngô Công Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Khánh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2022 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH GROBEST I trụ sở: Khu công nghiệp Biên H 2, phường M, thành phố N, tỉnh Q.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hải V, chức vụ: Tổng giám đốc.

+ Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Hồng H, sinh năm 1990; trú tại:, Khu công nghiệp Biên H 2, phường M, thành phố N, tỉnh Q; có đơn xin xét xử mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lâm Trung Ch – Chủ hộ kinh doanh Ba H 4; trú tại: khóm M, phường N, thị xã P, tỉnh Q; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/10/2022 của nguyên đơn Công ty TNHH Grobest I trình bày:

Công ty TNHH Grobest I với ông Lâm Trung Ch – Chủ hộ kinh doanh Ba H 4 có ký hợp đồng phân phối thức ăn nuôi tôm số 02GR,NI,VA,BE,SD/TRV 2020 ngày 20/01/2020. Theo nội dung hợp đồng Công ty TNHH Grobest I giao cho ông Ch làm nhà phân phối cấp I để phân phối sản phẩm thức ăn tôm do công ty sản xuất với những điều khoản như sau:

- Điều 3.1 (a) của hợp đồng quy định: Trừ khi bên A (Công ty TNHH Grobest I cung cấp tín thanh toán riêng cho bên B theo Điều 3.2, bên B (ông Lâm Trung Ch) sẽ thanh toán toàn bộ cho sản phẩm theo mẫu đặt hàng ngay trước khi sản phẩm được giao.

- Điều 3.2 quy định: Bên A có quyền, nhưng không có nghĩa vụ cung cấp tín dụng cho bên B. Hạn mức tín dụng nếu có sẽ được quy định tại phụ lục 4.

- Điều 2, Phụ lục 4 số 01/PL4-SĐBS/2020 ngày 18/12/2020 quy định: Bên B có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ dư nợ tiền hàng còn lại cho bên A chậm nhất vào ngày 22/02/2021.

Ngày 28/02/2021 Công ty TNHH Grobest I với ông Ch ký bản đối chiếu công nợ, theo đó ông Ch xác nhận nợ đối với công ty tính đến ngày 28/02/2021 là: 47.068.440.909 đồng.

Sau đó từ ngày 05/3/2021 đến ngày 31/5/2021 ông Ch thanh toán cho Công ty TNHH Grobest I số tiền 4.007.000.000 đồng. Như vậy ông Ch còn nợ công ty số tiền là: 43.064.440.909 đồng.

Công ty TNHH Grobest I đã nhiều lần nhắc nhỡ, yêu cầu ông Ch thanh toán dứt điểm khoản nợ 43.064.440.909 đồng, nhưng ông Ch vẫn không thực hiện nên gây ảnh hưởng đến quyền lợi công ty.

Nay Công ty TNHH Grobest I yêu cầu cụ thể như sau:

- Về khoản nợ: yêu cầu ông Chiến trả cho Công ty TNHH Grobest I số tiền là: 43.064.440.909 đồng.

- Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ: căn cứ theo thoả thuận của hợp đồng tại Điều 3.1 quy định (f): Nếu quá thời hạn thanh toán quy định mà bên B (ông Lâm Trung Ch) vẫn chưa thanh toán đầy đủ cho bên A thì bên B có nghĩa vụ thanh toán cho bên A tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán. Do yêu cầu ông Ch trả cho Công ty TNHH Grobest I tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 22/02/2021 đến ngày 30/9/2022 với mức lãi suất 14%/năm là: 43.064.440.909 đồng x 585 ngày x14% = 9.662.279.481 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng ông Ch vẫn vắng mặt không có lý do. Toà án đã lập biên bản không tiến hành hoà giải được và thông báo kết quả phiên họp cho ông Ch được biết. Tuy nhiên ông Ch không có ý kiến;

không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.Tại phiên tòa được mở lần thứ hai, tuy nhiên ông Ch đều vắng mặt.

Tòa án không có tiến hành thu thập, tài liệu chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp phải có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn Công ty TNHH Grobest I khởi kiện yêu cầu ông Ch trả tiền mua bán còn nợ; bị đơn ông Chiến có địa chỉ cư trú khóm M, phường N, thị xã P. Căn cứ Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Theo hợp đồng được ký kết giữa Công ty TNHH Grobest I với ông Ch –Chủ hộ kinh doanh Ba H 4 thể hiện địa chỉ của ông Ch là tại khóm M, phường N, thị xã P, tỉnh Q. Hiện nay ông Ch đã thay đổi nơi cư cú, nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới của ông Ch ở đâu là thuộc trường hợp bị đơn ông Ch cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng hợp lệ 02 lần, nhưng ông Ch đều vắng mặt. Đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH Grobest I là bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiến hành xét xử vắng mặt ông Ch và đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH Grobest I là bà H.

[3] Xét yêu cầu khởi hiện của Công ty TNHH Grobest I, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp như: hợp đồng phân phối thức ăn nuôi tôm số 02GR,NI,VA,BE,SD/TRV 2020 ngày 20/01/2020; bảng đối chiếu công nợ ngày từ ngày 01/02/2021 đến ngày 28/02/2021 thể hiện: giữa Công ty TNHH Grobest I với ông Lâm Trung Ch có ký kết hợp đồng phân phối thức ăn nuôi tôm số 02GR,NI,VA,BE,SD/TRV 2020 ngày 20/01/2020; theo bản đối chiếu công nợ ngày 28/02/2021 giữa Công ty TNHH Grobest I với ông Ch thể hiện ông Ch ký xác nhận nợ đối với công ty tính đến ngày 28/02/2021 là: 47.068.440.909 đồng. Từ ngày 05/3/2021 đến ngày 31/5/2021 ông Ch thanh toán cho Công ty TNHH Grobest I số tiền 4.007.000.000 đồng, hiện nay Ch còn nợ công ty số tiền là: 43.061.440.909 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ cơ sở phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH I, buộc ông Ch trả cho Công ty TNHH Grobest I số tiền 43.061.440.909 đồng.

[4] Về khởi kiện của Công ty TNHH Grobest I yêu cầu về tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ theo thoả thuận của hợp đồng tại Điều 3.1 quy định (f): Nếu quá thời hạn thanh toán quy định mà bên B vẫn chưa thanh toán đầy đủ cho bên A thì bên B có nghĩa vụ thanh toán cho bên A

tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán. Tại điều 306 Luật thương mại quy định *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*. Như vậy thì giữa Công ty TNHH Grobest I với ông Ch có thoả thuận trong hợp đồng về tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, Công ty TNHH Grobest I yêu cầu ông Ch trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 22/02/2021 đến ngày 30/9/2022 với mức lãi suất 14%/năm là: 43.061.440.909 đồng x 585 ngày x14% = 9.662.279.481 đồng là không trái pháp luật và có căn cứ. Từ cơ sở phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Grobest I. Buộc ông Ch trả cho Công ty TNHH Grobest I tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ số tiền 9.662.279.481 đồng.

[5] Về án phí: nguyên đơn Công ty TNHH Grobest I không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 80.362.000 đồng theo lai thu số 0009915 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Bị đơn Ch phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được tính như sau: 160.723.720 đồng (48.723.720.390 đồng x 0,1 % = 48.723.720 đồng + 112.000.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 24, 50 và Điều 306 Luật thương mại và Điều Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Grobest I

- Buộc ông Lâm Trung Ch trả cho Công ty TNHH Grobest I số tiền nợ gốc số tiền 43.064.440.909 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 9.662.279.481 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là: 52.723.720.390 đồng.

Kể từ ngày bản án sơ thẩm được xét xử cho đến khi thi hành xong khoản nợ này hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lâm Trung Ch phải chịu 160.723.720 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty TNHH Grobest I được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 80.362.000 đồng theo lai thu số 0009915 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Truyền